

Bản án số: 28/2018/DS-PT

Ngày 27-6-2018

*V/v tranh chấp chia tài sản chung là
quyền sử dụng đất; Chia thừa kế
quyền sử dụng đất theo pháp luật*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Đức Thành**

Bà **Trần Thị Bích Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Văn Thắng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “*Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất; Chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2018/QĐPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Võ Lâm T** – Sinh năm 1970; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Lâm Thị K** – Sinh năm 1956; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Võ Lâm Thị Kim L** – Sinh năm 1959; Có mặt.

3.2. Bà **Kiều Thị T** – Sinh năm 1968; Vắng mặt.

3.3. Chị **Võ Lâm Thị T** – Sinh năm 1988; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, chị T: Ông **Võ Lâm T** – Sinh năm 1970 theo giấy ủy ngày 19/5/2016.

4. *Người kháng cáo:* Bà Võ Lâm Thị K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Lâm T trình bày:

Cha ông là ông Võ Lâm K, sinh năm 1925 (chết ngày 03/8/2012 có để lại di chúc), mẹ ông là bà Võ Thị L, sinh năm 1923 (chết năm 1987). Cha mẹ ông có 03 người con, gồm: bà Võ Lâm Thị K, sinh năm 1956; bà Võ Lâm Thị Kim L, sinh năm 1959; ông Võ Lâm T, sinh năm 1970. Ngoài 03 người con trên thì cha mẹ ông không có con nuôi, con riêng. Về nguồn gốc các *thửa đất số 667 tờ bản đồ số 11 xã P (tương ứng với thửa số 196 tờ bản đồ 299), thửa đất số 09 tờ bản đồ địa chính số 16a xã P (tương ứng với thửa số 23, 15 tờ bản đồ 299)* có nguồn gốc là do ông, bà nội tạo lập trước giải phóng để lại cho cha ông. Còn các *thửa đất số 9a tờ bản đồ số 16a xã P (tương ứng với thửa số 76 tờ bản đồ 299), thửa đất số 223 tờ bản đồ số 16 xã P (tương ứng với thửa đất số 77 tờ bản đồ 299)* có nguồn gốc là do hợp tác xã giao khoán cho hộ gia đình ông Võ Lâm K vào năm 1993. Thời điểm giao khoán hộ gia đình ông K có 04 người gồm cha ông là ông K là chủ hộ, ông, vợ ông tên Kiều Thị T và con gái Võ Lâm Thị T. Thời điểm này bà Võ Lâm Thị Kim L và bà Võ Lâm Thị K có chồng và có hộ riêng. Nay ông đề nghị Tòa án chia tài sản thuộc sở hữu chung là quyền sử dụng đất thửa đất số 9a tờ bản đồ số 16a xã P (tương ứng với thửa số 76 tờ bản đồ 299) và thửa số 223 tờ bản đồ số 16 xã P (tương ứng với thửa số 77 tờ bản đồ 299) và chia di sản thừa kế phần đất của ông Võ Lâm K trong khối tài sản chung này theo pháp luật. Hủy bỏ di chúc của ông Võ Lâm K lập ngày 12 tháng Giêng (âm lịch) năm 2003, phân chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Võ Lâm K để lại gồm: Thửa đất số **667** tờ bản đồ số 11 xã P (tương ứng với thửa số 196 bản đồ 299), thửa đất số **09** tờ bản đồ địa chính số 16a xã P (tương ứng với thửa số 23, 15 tờ bản đồ 299). Nguyên vọng của ông xin được nhận tài sản chung và kỹ phần thừa kế của cha ông bằng hiện vật. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Võ Lâm Thị K trình bày:

Cha bà là ông Võ Lâm K, sinh năm 1933 chết năm 2012. Mẹ bà tên Võ Thị L sinh năm nào bà không nhớ chết năm nào bà cũng không biết chỉ biết mẹ bà chết cách đây khoảng 30 năm. Khi còn sống cha mẹ bà sinh được 02 người con là bà Võ Lâm Thị K và em bà Võ Lâm Thị Kim L. Cha mẹ bà không có con nuôi nhưng có con riêng tên Võ Lâm T. Khi còn sống, cha bà có con riêng với mẹ ông T nhưng 02 người không sống chung nhà, sau khi mẹ ông T sinh ông T xong thì giao cho cha bà nuôi và không qua lại gì với cha bà nữa. Ông T sinh sống với cha bà từ nhỏ đến năm 1992 thì bỏ nhà đi không chung sống với cha bà cho đến ngày cha bà chết. Khi cha mẹ bà còn sống thì có một số tài sản sau: thửa đất **76 và 77** tờ bản đồ số 05 xã P có diện tích là 2.260m² và 530m². Diện tích đất này là của cha bà do ông bà nội để lại cho cha bà không phải đất nhận khoán. Sở dĩ cha bà nhận được nhiều đất là vì cha bà đã hiến rất nhiều đất cho hợp tác xã nên hợp tác xã ưu tiên để lại cho cha bà. Thời điểm giao khoán đất ruộng thì ông T đã có gia đình riêng vì vậy ông T đã được hợp tác xã cấp ruộng khoán riêng. Thửa đất số **23, 15 và 196** tờ **bản đồ số 5b và số 03** xã P có nguồn gốc là của ông bà nội để lại cho cha bà. Hiện tại trên 03 thửa đất này gồm có nhà ở, nhà thờ và mồ mả ông bà của bà. Ông K cha của bà đã để diện tích đất này cho bà và bà L theo di chúc ngày 12 tháng Giêng (âm lịch) năm 2003. Hiện 03 thửa đất này do bà và em bà Võ Lâm Thị Kim L ở và quản lý, khi còn sống cha bà có giao cho bà L một số diện tích đất trong 03 thửa đất trên và bà L đã xây nhà và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Năm 1993, ông T tự ý đi làm GCNQSDĐ mang tên ông T toàn bộ diện tích đất ruộng và đất ở sau đó cha bà khiếu nại đến Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N và UBND huyện đã ra quyết định hủy việc cấp GCNQSDĐ vì vậy diện tích đất này chưa ai đứng tên cũng như chưa có GCNQSDĐ. Mẹ bà chết không để lại di chúc, trước khi chết năm 2003 cha bà có làm di chúc phân chia cho các con, di chúc này được UBND xã P chứng thực. Khi cha bà chết diện tích đất ở, đất ruộng cũng như nhà thờ không có gì thay đổi. Hiện nay phần đất ruộng thì con trai bà đang canh tác, nhưng sau khi Tòa án xét xử thì ông T không cho trồng trọt trên đất nên đang bỏ hoang, còn phần diện tích 03 thửa đất **23, 15 và 196** thì bà L và con bà L đang trồng măng cầu, nho và táo. Trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà không đồng ý chia thừa kế vì trước khi cha bà chết có làm di chúc để lại cho chị em bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Lâm Thị Kim L trình bày: Bà thừa nhận bị đơn trình bày về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế cũng như toàn bộ tài sản của ông Võ Lâm K để lại và bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì, đối với yêu cầu chia thừa kế bà không đồng ý, khi cha bà chết đã có di chúc để lại tài sản cho bà và bà K, ông T không có phần. Đối với yêu cầu chia tài sản chung do hợp tác xã giao khoán, bà không đồng ý bởi vì thực tế

những tài sản trên có nguồn gốc là của ông, bà để lại không có tài sản nào do hợp tác xã giao khoán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Võ Lâm T. Bà đồng ý với nội dung trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của ông Võ Lâm T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Lâm Thị T trình bày: Chị là con của ông Võ Lâm T. Chị đồng ý với nội dung trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của ông Võ Lâm T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào: Điều 5, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 165, Điều 208, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; *Điều 108, Điều 216, Điều 223, Điều 224, Điều 465, Điều 646, Điều 667 Bộ luật dân sự năm 2005*; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ di chúc ông Võ Lâm K lập ngày 12 tháng Giêng năm 2003.

Lý do không chấp nhận: Di chúc lập ngày 12 tháng Giêng năm 2003 được ông Võ Lâm K lập trong tinh thần minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật.

- Thừa đất số 09 tờ bản đồ số 16a (tương ứng với thửa số 15, 23 tờ bản đồ số 5b bản đồ 299) nay là thửa số 32 tờ bản đồ số 16a xã P có diện tích 2.068,1 m² đã được ông K định đoạt trong di chúc cho bà Võ Thị Lâm K có hiệu lực pháp luật.

Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 27; Tây giáp thửa 10, 11; Nam giáp con đường; Bắc giáp thửa 33 (Kèm theo trích lục bản đồ địa chính).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Võ Lâm T đối với thửa 667 tờ bản đồ số 11 xã P (tương ứng với thửa đất số 196 tờ bản đồ 299).

- Giao cho bà Võ Lâm Thị K được quyền sử dụng 3.155,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 667 tờ bản đồ số 11 xã P nay là thửa đất số 703 tờ bản đồ số 11 xã P.

Vị trí tứ cận: Đông giáp nương; Tây giáp thửa 666, 665; Nam giáp thửa 637, 635; Bắc giáp thửa 704 (Kèm theo trích lục bản đồ địa chính).

- Giao cho bà Võ Lâm Thị Kim L được quyền sử dụng diện tích 2.217,8m² thuộc một thửa đất số 667 tờ bản đồ số 11 xã P, nay thuộc thửa đất số 705 tờ bản đồ số 11 xã P.

Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 668; Tây giáp thửa 704; Nam giáp thửa 635; Bắc giáp nương (Kèm theo trích lục bản đồ).

- Buộc bà Võ Lâm Thị K phải hoàn lại chênh lệch cho ông Võ Lâm T số tiền 27.658.880 đồng.

- Buộc bà Võ Lâm Thị Kim L phải hoàn lại chênh lệch cho ông Võ Lâm T số tiền 2.344.320 đồng.

- Ông Võ Lâm T được quyền sở hữu số tiền 27.658.880 đồng do bà Khánh hoàn lại và số tiền 2.344.320 đồng do bà L hoàn lại.

3. Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản thuộc sở hữu chung là quyền sử dụng đất của ông Võ Lâm T đối với các thửa đất số 76, 77 tờ bản đồ số 5 bản đồ 299, nay là thửa số 33 tờ bản đồ số 16a, thửa 371 tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính xã P và yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phân tài sản của ông Võ Lâm K trong khối tài sản chung:

- Giao cho ông Võ Lâm T, bà Kiều Thị T và chị Võ Lâm Thị T được quyền sử dụng chung thửa đất số 76, 77 tờ bản đồ số 5 bản đồ 299 nay là thửa số 33 tờ bản đồ số 16a có diện tích 3.499,5m², vị trí tứ cận: Đông giáp bờ; Tây giáp thửa 27, 32; Nam giáp nương; Bắc giáp nương (Kèm theo trích lục bản đồ địa chính). Thửa đất số 371 tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính xã P có diện tích 934,9m², vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 225; Tây giáp nương; Nam giáp thửa 184; Bắc giáp thửa 222, 224 (Kèm theo trích lục bản đồ địa chính). Buộc bà Võ Lâm Thị K là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng các thửa đất có trách nhiệm giao lại cho ông Võ Lâm T, bà Kiều Thị T và chị Võ Lâm Thị T.

- Buộc ông Võ Lâm T, bà Kiều Thị T, chị Võ Lâm Thị T phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho bà Võ Lâm Thị K số tiền 10.367.840 đồng.

- Buộc ông Võ Lâm T, bà Kiều Thị T, chị Võ Lâm Thị T phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho bà Võ Lâm Thị Kim L số tiền 10.367.840 đồng.

- Bà Võ Lâm Thị K, bà Võ Lâm Thị Kim L mỗi người được quyền sở hữu số tiền 10.367.840 đồng do ông Võ Lâm T, bà Kiều Thị T, chị Võ Lâm Thị T hoàn lại.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 12/3/2018, bà Võ Lâm Thị K có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Lâm T về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Võ Lâm K để lại và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất.

2. Yêu cầu ông Võ Lâm T phải chuộc lại 01 bộ ván gỗ Lai 4 tấm ông đã bán cho người khác với giá 70.000.000 đồng để làm tài sản chung nhà thờ của gia đình.

3. Yêu cầu ông Võ Lâm T trả lại số tiền tử tuất và số tiền trợ cấp theo chế độ người có công với cách mạng của ông Võ Lâm K sau khi ông K mất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên lại nghĩa vụ hoàn trả cho phù hợp.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất; Chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật*” là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận: cha là Võ Lâm K chết năm 2012, mẹ là Võ Thị L chết năm 1987. Cha mẹ có 02 con chung là Võ Lâm Thị K, Võ Lâm Thị Kim L và con riêng của cha là Võ Lâm T. Khi chết ông K có để lại những tài sản như sau: thửa đất số 76 tờ bản đồ 299 nay là thửa số **33** tờ bản đồ số 16a xã P có diện tích $3.499,5m^2$ (theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N số 1265 (BL 130) và thửa đất số 77 tờ bản đồ 299 nay là thửa số **371** tờ bản đồ số 16 xã P có diện tích $943,9m^2$ (theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N số 1266 (BL 129); Thửa *667* tờ bản đồ

số 11 xã P (tương ứng với thửa số 196 tờ bản đồ 299), nay là các thửa số **703, 704, 705** theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N số 1267 có diện tích $5.850m^2$ (BL 128); *Thửa đất số 09 tờ bản đồ địa chính số 16a xã P (tương ứng với thửa số 23, 15 tờ bản đồ 299)* nay là thửa số **32** tờ bản đồ số 16a xã P có nguồn gốc là do cha mẹ ông K để lại cho ông K có diện tích là $2.068,1m^2$ (theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N số 1264 (BL 131)).

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Lâm Thị K nộp cho Tòa án: Tờ di chúc giao tài sản cho con, có nội dung: giao tài sản cho con gái lớn là Võ Lâm Thị K bao gồm ba căn nhà thờ, hai căn ở, bàn ghế, đồ thờ cúng; giấy tờ ruộng đất và tre chỉ nói tóm tắt, giấy tờ chiếu theo hai quyết định ngày 02/02/2009 và 07/02/2009 do Chủ tịch UBND huyện N giao cho con cất giữ (BL 165)

Xét thấy: Tờ di chúc giao tài sản cho con được đánh vi tính không ghi ngày tháng, có chữ ký của ông Võ Lâm K. Tại phiên tòa bà K không xác định thời gian ông K lập tờ di chúc, không xác định được ngày tháng lập di chúc, tờ di chúc đánh máy vi tính nhưng không có chữ ký của người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không có giá trị pháp lý.

[2.3] *Thửa đất số 09 tờ bản đồ địa chính số 16a xã P (tương ứng với thửa số 23, 15 tờ bản đồ 299) nay là thửa số 32 tờ bản đồ số 16a xã P có nguồn gốc là do ông bà nội để lại cho ông Võ Lâm K có diện tích là $2.068,1m^2$.* Khi chết ông K định đoạt trong di chúc năm 2003 cho bà Võ Lâm Thị K và hiện nay diện tích đất này bà K đang canh tác Tòa án cấp sơ thẩm công nhận diện tích đất này bà K được hưởng và giao cho bà K được quyền quản lý sử dụng là có căn cứ (BL 53).

[2.4] *Xét thửa đất 667 tương ứng với thửa số 196 tờ bản đồ 299 nay là các thửa số 703, 704, 705 theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N số 1267 có diện tích $5.850m^2$:* các đương sự đều thừa nhận đây là đất do ông bà nội để lại cho ông Võ Lâm K trong đó có thửa 704 diện tích $476,8m^2$ là đất thổ mộ, nguyên đơn không yêu cầu chia. Còn lại diện tích 02 thửa 703 và 705 có diện tích $5.373,2m^2$ (cách tính: $5.850m^2 - 476,8m^2$). Theo nội dung bản di chúc của ông K để lại ông K chỉ định đoạt bà K và bà L mỗi người được hưởng $1.500m^2$ (BL 53). Như vậy phần diện tích còn lại $2.373,2m^2$ [(cách tính $5.373,2m^2 - (1.500m^2 \times 2)$)] ông K chưa định đoạt trong di chúc năm 2003.

[2.5] *Xét các thửa đất số 76 tờ bản đồ 299 nay là thửa số 33 tờ bản đồ số 16a xã P có diện tích $3.499, m^2$ và thửa đất số 77 tờ bản đồ 299 nay là thửa số 371 tờ bản đồ số 16 xã P có diện tích $943,9m^2$:* bị đơn bà Võ Lâm Thị K cho rằng đây

là đất của ông Võ Lâm K, nguyên đơn ông Võ Lâm T trình bày đây là đất HTX giao khoán năm 1993. Theo báo cáo xác minh số 140 ngày 06/11/2017 của UBND xã P có nội dung: các thửa đất số 33 và 371 có nguồn gốc là do HTX giao khoán vào năm 1993 cho 04 nhân khẩu của hộ ông Võ Lâm K là: ông Võ Lâm K (chủ hộ), Võ Lâm T, Kiều Thị T, Võ Lâm Thị T (BL 19, 20 21, 22, 112). Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của hộ theo quy định tại các điều 106,108 BLDS 2005 là có căn cứ. Ông Võ Lâm K chết không để lại di chúc. Ông Võ Lâm T yêu cầu chia tài sản chung của hộ và yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông K là có cơ sở.

[2.6] Theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N số 1265, 1266 diện tích đất là tài sản chung là thửa số **33** tờ bản đồ số 16a xã P có diện tích $3.499,5\text{ m}^2$ và thửa đất số **371** tờ bản đồ số 16 xã P có diện tích $943,9\text{ m}^2$ có tổng diện tích $4.443,4\text{ m}^2$ được chia cho 04 người là ông K, ông T, bà T và bà T, mỗi người được **$1.110,85\text{ m}^2$** [(cách tính: $3.499,5\text{ m}^2 + 943,9\text{ m}^2$) : 4] trị giá 31.103.800 đồng.

[2.7] Di sản của ông Võ Lâm K để lại bao gồm: **$2.373,2\text{ m}^2$** phần diện tích chưa định đoạt trong bản di chúc [mục 2.4] và **$1.110,85\text{ m}^2$** phần diện tích đất trong khối tài sản chung là đất được HTX giao khoán [mục 2.6]. Ông Võ Lâm K chết năm 2012, căn cứ các điều 675, 676 BLDS 2005 phần di sản của ông Khuê chưa định đoạt trong di chúc sẽ được chia theo pháp luật cho 03 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K là: bà K, bà L và ông T. Đối với đất của ông bà để lại [mục 2.4]: ông T, bà K, bà L mỗi người được hưởng kỷ phần là **$791,06\text{ m}^2$** (cách tính $2.373,2\text{ m}^2 : 3$) trị giá là **25.313.920** đồng (Cách tính $791,06\text{ m}^2 \times 32.000$ đồng). Đối với đất được hợp tác xã giao khoán [mục 2.6]: ông T, bà K, bà L mỗi người được hưởng kỷ phần là **$370,28\text{ m}^2$** (cách tính $1.110,85\text{ m}^2 : 3$) trị giá là **10.367.933** đồng (Cách tính $370,28\text{ m}^2 \times 28.000$ đồng).

[2.8] Thửa 703 bà Võ Lâm Thị K đang quản lý sử dụng có diện tích $3.155,4\text{ m}^2$, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà K được quyền quản lý sử dụng là phù hợp nhưng so với kỷ phần bà K được nhận là vượt quá kỷ phần của mình là **$864,34\text{ m}^2$** (cách tính $3.155,4\text{ m}^2 - 1.500\text{ m}^2 - 791,06\text{ m}^2$) có trị giá bằng tiền là **27.658.880** đồng. Bà L đang quản lý sử dụng thửa 705 có diện tích $2.217,8\text{ m}^2$ Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà L quản lý sử dụng thửa 705 là phù hợp nhưng so với kỷ phần thừa kế được nhận thì bà L còn thiếu **$73,26\text{ m}^2$** (cách tính $1.500\text{ m}^2 + 791,06\text{ m}^2 - 2.217,8\text{ m}^2$) có trị giá là 2.344.320 đồng. Do vậy buộc bà K có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế **$791,06\text{ m}^2$** trị giá **25.313.920** đồng cho ông Võ Lâm T; bà K phải hoàn trả trị giá $73,26\text{ m}^2$ tương ứng với số tiền 2.344.320 đồng bà Võ Lâm Thị Kim L là có căn cứ. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà K hoàn trả 27.658.880 đồng trị giá $864,34\text{ m}^2$ đất cho ông T và bà L phải hoàn trả 2.344.320 đồng trị giá

73,26m² đất cho ông T là không đúng nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sẽ sửa án về nội dung này.

[2.9] Đối với phần diện tích đất được hợp tác xã giao khoán: kỷ phần thừa kế bà K bà L nhận được từ ông K mỗi người là **370,28m²** ít hơn so với phần ông T được nhận **1.481,13m²**; ông T làm nghề nông có nhu cầu nhận đất để canh tác, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông T được nhận bằng hiện vật phần diện tích 1.110,85m² là di sản của ông K trong khối tài sản chung và buộc ông T hoàn giá trị kỷ phần bằng tiền cho bà K, bà L là phù hợp. Cụ thể: buộc ông T phải hoàn lại cho bà K, bà L mỗi người số tiền **10.367.933** đồng (Cách tính 370,28m² x 28.000 đồng). Các diện tích đất này bà K đang quản lý sử dụng nên buộc bà K giao lại cho ông T, bà T, chị T 02 thửa đất: số **33** tờ bản đồ số 16a xã P có diện tích 3.499,5m² và thửa đất số **371** tờ bản đồ số 16 xã P có diện tích 943,9m² có tổng diện tích 4.443,4m². Trong đó: ông T được quyền quản lý, sử dụng 2.221,7m² (phần của ông T và phần của ông K); bà T, chị T mỗi người được quản lý, sử dụng 1.110,85m².

Đối trừ nghĩa vụ giữa bà Võ Lâm Thị K và ông Võ Lâm T như sau: bà K phải hoàn trả ông Thông **14.945.987** đồng [(cách tính 25.313.920 đồng (phần ông T được nhận thừa kế theo pháp luật phần diện tích đất trong thửa 703) - 10.367.933 đồng (phần bà K được hưởng thừa kế của ông K trong diện tích đất giao khoán)]

[2.10] Đối với các yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu ông Võ Lâm T phải chuộc lại 01 bộ ván gỗ Lai 4 tấm ông đã bán cho người khác với giá 70.000.000 đồng để làm tài sản chung nhà thờ của gia đình. Yêu cầu ông Võ Lâm T trả lại số tiền tử tuất và số tiền trợ cấp theo chế độ người có công với cách mạng của ông Võ Lâm K sau khi ông K mất. Tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố và Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Sửa bản án sơ thẩm kê cả phần án phí.

Án phí:

Ông Võ Lâm T, Võ Lâm Thị K và bà Võ Lâm Thị Kim L mỗi người phải chịu **1.784.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế [(cách tính 25.313.920 đồng + 10.367.933 đồng) x 5%].

Ông Võ Lâm T, bà Kiều Thị T, chị Võ Lâm Thị T mỗi người phải chịu **1.555.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phân chia tài sản thuộc sở hữu chung (cách tính: 31.103.800 đồng x 5 %).

Do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Võ Lâm Thị K sinh năm 1956 theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đương sự là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Kiều Thị T sinh năm 1968 là người khuyết tật nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Lâm T, bà Võ Lâm Thị Kim L và bà Võ Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 108, 223, 224, 646, 653, 674, 675, 684, 685, 733, 735 Bộ luật dân sự năm 2005; Các điều 147, 164, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm; Các điều 12, 27, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Lâm T về việc hủy bỏ di chúc của ông Võ Lâm K lập ngày 12 tháng Giêng năm 2003.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Võ Lâm T như sau:

- Giao cho bà Võ Lâm Thị K được quyền quản lý, sử dụng 2.068,1m² đất thuộc thửa số 32 tờ bản đồ số 16a xã P đã được ông Võ Lâm K định đoạt trong di chúc ngày 12 tháng Giêng năm 2003 *theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N số 1264.*

- Giao cho bà Võ Lâm Thị K được quyền sử dụng 3.155,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 667 tờ bản đồ số 11 xã P nay là thửa đất số 703 tờ bản đồ số 11 xã P *theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N số 1267.*

- Giao cho bà Võ Lâm Thị Kim L được quyền sử dụng diện tích 2.217,8m² thuộc một thửa đất số 667 tờ bản đồ số 11 xã P, nay thuộc thửa đất số 705 tờ bản đồ số 11 xã P *theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N số 1268.*

- Giao cho ông Võ Lâm T, bà Kiều Thị T và chị Võ Lâm Thị T được quyền quản lý, sử dụng chung thửa đất số 76, 77 tờ bản đồ số 5 bản đồ 299 nay là thửa số 33 tờ bản đồ số 16a có diện tích 3.499,5m² và thửa đất số 371 tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính xã P có diện tích 934,9m². Trong đó: ông T được quyền quản lý, sử dụng **2.221,7m²** (phần của ông T và phần của ông K); bà T, chị T mỗi người được quản lý, sử dụng 1.110,85m² *theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh Ninh Phước số 1265, 1266.*

Buộc bà Võ Lâm Thị K là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng các thửa đất 33, 371 phải giao lại cho ông Võ Lâm T, bà Kiều Thị T và chị Võ Lâm Thị T.

- Buộc bà Võ Lâm Thị K phải hoàn trả cho ông Võ Lâm T số tiền **14.945.987** đồng (*Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng*) .

- Buộc bà Võ Lâm Thị K phải hoàn trả cho bà Võ Lâm Thị Kim L **2.344.320** đồng (*Hai triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng*).

- Buộc ông Võ Lâm T phải hoàn trả cho bà Võ Lâm Thị Kim L số tiền **10.367.933** đồng (*Mười triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi ba đồng*).

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo *mức lãi suất 10%/năm* tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

Ông Võ Lâm T và bà Võ Lâm Thị Kim L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là **1.784.000** đồng (*Một triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng*).

Ông Võ Lâm T, chị Võ Lâm Thị T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung là **1.555.000** đồng (*Một triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Lâm Thị K.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Kiều Thị T.

Hoàn trả cho bà Võ Lâm Thị K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm **300.000 đồng** (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0016001 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự (5);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện N (1);
- Chi cục THADS huyện N (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang

--	--